

PHỤ LỤC 3

Lĩnh vực tần số vô tuyến điện

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2018/TT-BTTTT ngày 29/6/2018
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chế độ báo cáo thống
kê ngành Thông tin và Truyền thông)

Danh mục biểu mẫu áp dụng đối với Cục TS

Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo chính thức	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời gian nhận báo cáo	Ghi chú
A	B	C	D	E	F	G
TS-01	Số lượng phổ tần số vô tuyến điện được cấp phép cho thông tin di động công cộng	Năm	Cục TS	Vụ KHTC, TTTT	Ngày 15/3 năm sau	
TS-02	Tổng hợp (cả nước) số lượng đài vô tuyến điện phát sóng truyền hình số mặt đất - tiêu chuẩn DVB T/T2	Năm	Cục TS	Vụ KHTC, TTTT	Ngày 15/3 năm sau	
TS-03	Tổng hợp (cả nước) số lượng đài vô tuyến điện phát sóng truyền hình tương tự mặt đất	Năm	Cục TS	Vụ KHTC, TTTT	Ngày 15/3 năm sau	

Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo chính thức	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo	Thời gian nhận báo cáo	Ghi chú
TS-04	Tổng hợp (cả nước) số lượng đài vô tuyến điện phát sóng phát thanh mặt đất	Năm	Cục TS	Vụ KHTC, TTTT	Ngày 15/3 năm sau	
TS-05	Tổng hợp (cả nước) số lượng đài truyền thanh không dây	Năm	Cục TS	Vụ KHTC, TTTT	Ngày 15/3 năm sau	
TS-06	Tổng hợp (cả nước) số lượng đài vô tuyến điện trong lĩnh vực hàng không, hàng hải, vệ tinh, khí tượng thuỷ văn, di động dùng riêng và các loại hình dịch vụ vô tuyến điện khác	Năm	Cục TS	Vụ KHTC, TTTT	Ngày 15/3 năm sau	
TS-07	Tổng hợp (cả nước) số lượng tần số vô tuyến điện đã đăng ký quốc tế	Năm	Cục TS	Vụ KHTC, TTTT	Ngày 15/3 năm sau	

BIỂU MẪU VÀ GIẢI THÍCH BIỂU MẪU

Biểu TS-01

Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT

SỐ LƯỢNG PHỔ TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐƯỢC CẤP PHÉP CHO THÔNG TIN DI ĐỘNG CÔNG CỘNG

Đơn vị báo cáo:
Cục TS

Ngày nhận báo cáo:
ngày 15/3 năm sau

Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, TTTT

Stt	Tên băng tần	Từ tần số ... đến tần số ...	Số MHz	Tên doanh nghiệp được cấp giấy phép sử dụng	Ghi chú
A	B	1	2	3	4
	TỔNG CỘNG				
1	Băng tần thứ nhất				
2	Băng tần thứ hai				
...					
N	Băng tần thứ N				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ và tên, chức danh)

Hà Nội, ngày...tháng... năm 20...
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Phổ tần số vô tuyến điện được cấp phép cho thông tin di động công cộng là số lượng phổ tần (tính bằng MHz) đã được cấp phép cho các doanh nghiệp viễn thông để cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi thứ tự các băng tần đã cấp phép. Ghi theo trình tự thời gian các băng tần được cấp phép

Cột B: Ghi tên băng tần. Tên băng tần tham chiếu theo thông tin ghi ở cột 1

Cột 1: Ghi dải tần số của băng tần (từ tần số ... đến tần số...)

Cột 2: Ghi độ rộng (tính ra MHz) của băng tần

Cột 3: Ghi tên doanh nghiệp được giấy phép sử dụng

Ghi số liệu dòng Tổng cộng

Sau khi ghi xong thông tin cho các băng tần, tiến hành ghi thông tin dòng Tổng cộng. Cộng giá trị các dòng tại cột 2 và ghi số tổng lên ô tương ứng dòng Tổng cộng

3. Nguồn số liệu

Từ kết quả các thủ tục hành chính có liên quan do Cục TS thực hiện

Cục TS lập biểu gửi Vụ KHTC và TTTT

TTTT đăng số liệu biểu tại Cổng TTĐT Bộ TTTT theo quy định.

Biểu TS-02
Ban hành theo Thông
tư 10/2018/TT-BTTTT

**TỔNG HỢP (CẢ NƯỚC) SỐ LƯỢNG
ĐÀI PHÁT SÓNG TRUYỀN HÌNH SỐ
MẶT ĐẤT - TIÊU CHUẨN DVB-T/T2**

Đơn vị báo cáo:
Cục TS

Ngày nhận báo cáo:
ngày 15/3 năm sau

Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, TTTT

Stt	Địa bàn	Mã địa bàn	Số lượng đài	Phân loại đài theo nhóm công suất phát (P)							Ghi chú
				$P \geq 20 \text{ kW}$	$20 \text{ kW} > P \geq 10 \text{ kW}$	$10 \text{ kW} > P \geq 5 \text{ kW}$	$5 \text{ kW} > P \geq 2 \text{ kW}$	$2 \text{ kW} > P \geq 500 \text{ W}$	$500 \text{ W} > P \geq 100 \text{ W}$	$100 \text{ W} > P$	
A	B	C	1	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	2
	TỔNG CỘNG										
	<i>Chia ra:</i>										
I	Khu vực I										
1	Tỉnh 1										
2	Tỉnh 2										
...	...										
N	Tỉnh N										
II	Khu vực II										
...	...										
VII	Khu vực VIII										
...	...										

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ và tên, chức danh)

Hà Nội, ngày...tháng... năm 20...
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Đài vô tuyến điện phát sóng truyền hình số mặt đất là đài được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để phát sóng truyền hình số mặt đất chuẩn DVB-T/T2

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi thứ tự khu vực và thứ tự các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực. Thứ tự khu vực ghi từ I đến VIII tương ứng theo khu vực quản lý của các Trung tâm tần số trực thuộc Cục TS

Cột B: Ghi tên khu vực và tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

C: Ghi mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ghi theo Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg

Cột 1: Ghi số lượng đài phát tại địa bàn tỉnh/thành phố tương ứng ở cột B (tính theo vị trí đài phát hoặc đặt anten phát)

Các cột 1.1,...1.7: Ghi số lượng đài phát (ở cột 1) - có công suất tương ứng theo tiêu chí đã phân loại tại từng cột. Số liệu cột 1 = số liệu các cột: $1.1 + \dots + 1.7$

Ghi số liệu dòng tổng hợp của khu vực

Sau khi ghi xong số lượng các đài phát thuộc địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc mỗi khu vực, tiến hành ghi số liệu dòng tổng hợp của khu vực: Cộng số liệu của các địa bàn tỉnh/thành phố thuộc khu vực, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng tổng hợp của khu vực

Ghi số liệu dòng Tổng cộng của biểu

Sau khi ghi xong số liệu dòng tổng hợp của các khu vực, tiến hành ghi số liệu dòng Tổng cộng của biểu: Cộng số liệu dòng tổng hợp của các khu vực, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng Tổng cộng

3. Nguồn số liệu

Từ kết quả các thủ tục hành chính có liên quan và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý tần số do Cục TS tổ chức thực hiện

Cục TS lập biểu gửi Vụ KHTC và TTTT

TTTT đăng tải số liệu biểu báo cáo tại Công TTĐT Bộ TTTT theo quy định.

Biểu TS-03
Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT

**TỔNG HỢP (CẢ NƯỚC)
SỐ LƯỢNG ĐÀI PHÁT SÓNG
TRUYỀN HÌNH TƯƠNG TỰ
MẶT ĐẤT**

Đơn vị báo cáo:
Cục TS

Ngày nhận báo cáo:
ngày 15/3 năm sau

Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, TTTT

Stt	Địa bàn	Mã địa bàn	Số lượng đài	Phân loại đài theo nhóm công suất phát (P)							Ghi chú
				$P \geq 20 \text{ kW}$	$20 \text{ kW} > P \geq 10 \text{ kW}$	$10 \text{ kW} > P \geq 5 \text{ kW}$	$5 \text{ kW} > P \geq 2 \text{ kW}$	$2 \text{ kW} > P \geq 500 \text{ W}$	$500 \text{ W} > P \geq 100 \text{ W}$	$100 \text{ W} > P$	
A	B	C	1	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	1.6	1.7	2
	TỔNG CỘNG										
	<i>Chia ra:</i>										
I	Khu vực I										
1	Tỉnh 1										
2	Tỉnh 2										
...	...										
N	Tỉnh N										
II	Khu vực II										
...	...										
VII	Khu vực VIII										
...	...										

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ và tên, chức danh)

Hà Nội, ngày...tháng... năm 20...
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Đài vô tuyến điện phát sóng truyền hình tương tự mặt đất là đài được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để phát sóng truyền hình tương tự mặt đất

2. Cách ghi biểu

Các cột A, B, C: Ghi thông tin tương tự như hướng dẫn tại biểu mẫu TS-02

Cột 1: Ghi số lượng đài phát tại địa bàn tỉnh/thành phố tương ứng ở cột B (tính theo vị trí đài phát hoặc đặt anten phát)

Các cột 1.1,...1.7: Ghi số lượng đài phát ở cột 1 - có công suất tương ứng theo tiêu chí đã phân loại tại từng cột. Số liệu cột 1 = số liệu các cột: 1.1 + ... + 1.7

Ghi số liệu dòng tổng hợp của khu vực

Sau khi ghi xong số lượng các đài phát thuộc địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc mỗi khu vực, tiến hành ghi số liệu dòng tổng hợp của khu vực: Cộng số liệu của các địa bàn tỉnh/thành phố thuộc khu vực, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng tổng hợp của khu vực

Ghi số liệu dòng Tổng cộng của biểu

Sau khi ghi xong số liệu dòng tổng hợp của các khu vực, tiến hành ghi số liệu dòng Tổng cộng của biểu: Cộng số liệu dòng tổng hợp của các khu vực, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng Tổng cộng

3. Nguồn số liệu

Từ kết quả các thủ tục hành chính có liên quan do Cục TS tổ chức thực hiện và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý tần số của Cục

Cục TS lập biểu gửi Vụ KHTC và TTTT

TTTT đăng tải số liệu biểu báo cáo tại Cổng TTĐT Bộ TTTT theo quy định.

Biểu TS-04Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT**TỔNG HỢP (CẢ NƯỚC)
SỐ LƯỢNG ĐÀI PHÁT SÓNG
PHÁT THANH MẶT ĐẤT**

Đơn vị báo cáo: Cục TS

Ngày nhận báo cáo:
ngày 15/3 năm sau**NĂM 20...**Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, TTTT

Stt	Địa bàn	Mã địa bàn	Số lượng đài	Phân loại đài theo nhóm công suất phát (P)					Ghi chú
				$P \geq 5kW$	$5kW > P \geq 2kW$	$2kW > P \geq 1kW$	$1kW > P \geq 300W$	$300W > P$	
A	B	C	1	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2
	TỔNG CỘNG								
	<i>Chia ra:</i>								
I	Khu vực I								
1	Tỉnh 1								
2	Tỉnh 2								
...	...								
N	Tỉnh N								
II	Khu vực II								
...	...								
VII	Khu vực VIII								
...	...								

NGƯỜI LẬP BIỂU(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)**NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU**

(Ký, họ và tên, chức danh)

Hà Nội, ngày...tháng... năm 20...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Đài vô tuyến điện phát sóng phát thanh mặt đất là đài được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để phát sóng phát thanh mặt đất

2. Cách ghi biểu

Các cột A, B, C: Ghi thông tin tương tự như hướng dẫn tại biểu mẫu TS-02

Cột 1: Ghi số lượng đài phát tại địa bàn tỉnh/thành phố tương ứng ở cột B (tính theo vị trí đài phát hoặc đặt anten phát)

Các cột 1.1,...1.5: Ghi số lượng đài phát ở cột 1 - có công suất tương ứng theo tiêu chí đã phân loại tại từng cột. Số liệu cột 1 = số liệu các cột: $1.1 + \dots + 1.5$

Ghi số liệu dòng tổng hợp của khu vực

Sau khi ghi xong số lượng các đài phát thuộc địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc mỗi khu vực, tiến hành ghi số liệu dòng tổng hợp của khu vực: Cộng số liệu của các địa bàn tỉnh, thành phố thuộc khu vực, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng tổng hợp của khu vực

Ghi số liệu dòng Tổng cộng của biểu

Sau khi ghi xong số liệu dòng tổng hợp của các khu vực, tiến hành ghi số liệu dòng tổng cộng của biểu: Cộng số liệu dòng tổng hợp của các khu vực, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng Tổng cộng

3. Nguồn số liệu

Từ kết quả các thủ tục hành chính có liên quan do Cục TS tổ chức thực hiện và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý tần số của Cục

Cục TS lập biểu gửi Vụ KHTC và TTTT

TTTT đăng số liệu biểu tại Cổng TTĐT Bộ TTTT theo quy định.

Biểu TS-05Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT**TỔNG HỢP (CẢ NƯỚC)
SỐ LƯỢNG ĐÀI TRUYỀN THANH
KHÔNG DÂY**Đơn vị báo cáo:
Cục TSNgày nhận báo cáo:
ngày 15/3 năm sau**NĂM 20...**Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, TTTT

Stt	Địa bàn	Mã địa bàn	Số lượng đài	Phân loại đài theo nhóm công suất phát (P)					Ghi chú
				$P \geq 5kW$	$5kW > P \geq 2kW$	$2kW > P \geq 1kW$	$1kW > P \geq 300W$	$300W > P$	
A	B	C	1	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2
	TỔNG CỘNG								
	<i>Chia ra:</i>								
I	Khu vực I								
1	Tỉnh 1								
2	Tỉnh 2								
...	...								
N	Tỉnh N								
II	Khu vực II								
...	...								
VII	Khu vực VIII								
...	...								

NGƯỜI LẬP BIỂU(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)**NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU**

(Ký, họ và tên, chức danh)

Hà Nội, ngày...tháng... năm 20...

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Đài truyền thanh không dây là đài được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện để thiết lập hệ thống truyền thông không dây

2. Cách ghi biểu

Các cột A, B, C: Ghi thông tin tương tự như hướng dẫn tại biểu mẫu TS-02

Cột 1: Ghi số lượng đài truyền thanh không dây tại địa bàn tỉnh/thành phố tương ứng ở cột B (tính theo vị trí đài phát hoặc đặt anten phát)

Các cột 1.1,...1.5: Ghi số lượng đài phát ở cột 1 - có công suất tương ứng theo tiêu chí đã phân loại tại từng cột. Số liệu cột 1 = số liệu các cột: $1.1 + \dots + 1.5$

Ghi số liệu dòng tổng hợp của khu vực

Sau khi ghi xong số lượng các đài phát thuộc địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc mỗi khu vực, tiến hành ghi số liệu dòng tổng hợp của khu vực: Cộng số liệu của các địa bàn tỉnh, thành phố thuộc khu vực, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng tổng hợp của khu vực

Ghi số liệu dòng Tổng cộng của biểu

Sau khi ghi xong số liệu dòng tổng hợp của các khu vực, tiến hành ghi số liệu dòng tổng cộng của biểu: Cộng số liệu dòng tổng hợp của các khu vực, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng Tổng cộng

3. Nguồn số liệu

Từ kết quả các thủ tục hành chính có liên quan do Cục TS tổ chức thực hiện và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý tần số của Cục

Cục TS lập biểu gửi Vụ KHTC và TTTT

TTTT đăng biểu mẫu báo cáo này tại Cổng TTĐT Bộ TTTT theo quy định.

Biểu TS-06

Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT

**TỔNG HỢP (CẢ NƯỚC) SỐ LƯỢNG ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN
TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG, HÀNG HẢI, VỆ TINH,
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, DI ĐỘNG DÙNG RIÊNG VÀ CÁC LOẠI HÌNH
VÔ TUYẾN ĐIỆN KHÁC**

Đơn vị báo cáo:
Cục TS

Ngày nhận báo cáo:
ngày 15/3 năm sau

Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, TTTT

Stt	Địa bàn	Mã địa bàn	Số lượng đài phân loại theo lĩnh vực và nhóm công suất phát (P)																	Ghi chú
			Hàng không			Hàng hải			Vệ tinh		Khí tượng thủy văn			Di động dùng riêng			Dịch vụ vô tuyến điện khác			
			P ≥ 15W	15W > P ≥ 1W	1W > P	P ≥ 15W	15W > P ≥ 1W	1W > P	Cố định	Di động	P ≥ 15W	15W > P ≥ 1W	1W > P	P ≥ 15W	15W > P ≥ 1W	1W > P	P ≥ 15W	15W > P ≥ 1W	1W > P	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG																			
	Chia ra:																			
I	Khu vực I																			
1	Tỉnh 1																			
2	Tỉnh 2																			
...	...																			
II	Khu vực II																			
...	...																			
VII	Khu vực VIII																			
...	...																			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU
(Ký, họ và tên, chức danh)

Hà Nội, ngày...tháng... năm 20...
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Đài vô tuyến điện trong lĩnh vực hàng không, hàng hải, vệ tinh, khí tượng thủy văn, di động dùng riêng và các loại hình vô tuyến điện khác là đài vô tuyến điện được cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện trong lĩnh vực hàng không, hàng hải, vệ tinh, khí tượng thủy văn, di động dùng riêng và các loại hình vô tuyến điện khác

- + Đài hàng không gồm các đài di động hàng không, dẫn đường hàng không, đài tàu bay
- + Đài hàng hải gồm các đài di động hàng hải, dẫn đường hàng hải, đài tàu biển
- + Đài khí tượng thủy văn: các ra-đa khí tượng, đài trợ giúp khí tượng
- + Đài di động dùng riêng: gồm các mạng di động dùng riêng
- + Đài khác: trừ các đài trên, trong đó vi-ba được tính theo tuyến

2. Cách ghi biểu

Các cột A, B, C: Ghi thông tin tương tự như hướng dẫn tại biểu mẫu TS-02

Các cột từ 1 đến 17 ghi số lượng đài phát tại địa bàn tương ứng ở cột B, ứng với nhóm công suất phát đã phân loại tại các cột. Cụ thể như sau:

Các cột 1, 2, 3: Ghi số lượng đài vô tuyến điện hàng không

Các cột 4, 5, 6: Ghi số lượng đài vô tuyến điện hàng hải

Các cột 7, 8: Ghi số lượng đài vô tuyến điện vệ tinh

Các cột 9, 10, 11: Ghi số lượng đài vô tuyến điện khí tượng thủy văn

Các cột 12, 13, 14: Ghi số lượng đài vô tuyến điện di động dùng riêng

Các cột 15, 16, 17: Ghi số lượng đài vô tuyến điện khác

Ghi số liệu dòng tổng hợp của khu vực

Sau khi ghi xong số lượng các đài phát thuộc địa bàn các tỉnh, thành phố thuộc mỗi khu vực, tiến hành ghi số liệu dòng tổng hợp của khu vực: Cộng số liệu của các địa bàn tỉnh, thành phố thuộc khu vực, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng tổng hợp của khu vực

Ghi số liệu dòng Tổng cộng của biểu

Sau khi ghi xong số liệu dòng tổng hợp của các khu vực, tiến hành ghi số liệu dòng tổng cộng của biểu: Cộng số liệu dòng tổng hợp của các khu vực, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng Tổng cộng

3. Nguồn số liệu

Từ kết quả các thủ tục hành chính có liên quan do Cục TS tổ chức thực hiện và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý tần số của Cục TS lập biểu gửi Vụ KHTC và TTTT

TTTT đăng biểu mẫu báo cáo này tại Cổng TTĐT Bộ TTTT theo quy định.

Biểu TS-07Ban hành theo Thông tư
10/2018/TT-BTTTT**TỔNG HỢP (CẢ NƯỚC)
SỐ LƯỢNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN
ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ**Đơn vị báo cáo:
Cục TSNgày nhận báo cáo:
ngày 15/3 năm sau

Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, TTTT*Đơn vị tính: tần số*

Stt	Nghệp vụ	Số lượng (Ấn định tần số -ADTS) Việt Nam đăng ký quốc tế							Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				Trong tổng số tần số đăng ký quốc tế: số lượng tần số phải phối hợp với nước ngoài		
			Đăng ký bằng tần số chủ	Đăng ký vào danh bạ tần số	Đăng ký định kỳ theo mùa	Đăng ký không định kỳ theo mùa	Số lượng	Trong đó, số lượng tần số đã hoàn thành phối hợp	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG								
	Chia ra								
1	Đài trái đất								
2	Phát thanh truyền hình								
3	Hàng không								
4	Hàng hải								
5	Cố định								
6	Di động								
7	Phát thanh sóng ngắn theo mùa								
8	Đăng ký vào danh bạ đài duyên hải và nghiệp vụ đặc biệt								
9	Đăng ký vào danh bạ đài tàu								

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ và tên,
số điện thoại liên lạc)**NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU**
(Ký, họ và tên, chức danh)*Hà Nội, ngày...tháng... năm 20...*
CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tần số vô tuyến điện đã đăng ký quốc tế là tần số đã đăng ký và phối hợp quốc tế trong các lĩnh vực thông tin vệ tinh, hàng không, hàng hải, phát thanh truyền hình, cố định, di động

2. Cách ghi biểu

Cột A: Ghi thứ tự

Cột B: Ghi tên lĩnh vực mà tần số được sử dụng

Cột 1: Ghi số lượng tần số Việt Nam đã đăng ký quốc tế thuộc lĩnh vực ứng dụng có tên ở cột B

Các cột 2, 3, 4, 5: ghi số lượng tần số thuộc cột 1 theo loại hình đăng ký quốc tế tương ứng

Cột 6: Ghi số lượng tần số thuộc cột 1 Việt Nam phải thực hiện phối hợp với nước ngoài theo quy định của Thể lệ vô tuyến điện

Cột 7: Ghi số lượng tần số thuộc cột 6 Việt Nam đã hoàn thành việc phối hợp với nước ngoài

Ghi số liệu dòng Tổng cộng

Sau khi ghi xong thông tin cho các tần số đăng ký quốc tế thuộc các lĩnh vực ứng dụng, tiến hành ghi thông tin ô tương ứng dòng Tổng cộng

Các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7: Cộng số liệu các ô thuộc từng cột, ghi số tổng lên ô tương ứng dòng Tổng cộng

3. Nguồn số liệu

Từ kết quả các thủ tục hành chính có liên quan do Cục TS thực hiện và danh sách tần số/băng tần Việt Nam đã đăng ký quốc tế

Cục TS lập biểu gửi Vụ KHTC và TTTT

TTTT đăng số liệu biểu tại Công TTĐT Bộ TTTT theo quy định.